| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XUYÊN MỘC**<br>**TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: **19**/2018/DS-ST
Ngày 23/5/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngọ Văn Tỉnh.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương
2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa*: Ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST- DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐST-DS ngày 24/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST –DS ngày 10/5/2018 giữa:

1. *Nguyên đơn*:

1.1. Ông Phạm Nhật Tr, sinh năm 1966

1.2. Bà Võ Tòng Ch, sinh năm 1969

Cùng trú: Tổ 8, ấp 2, xã BR, huyện XM, tỉnh BR-VT

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Ngô Đình S1, sinh năm 1959

2.2. Bà Lữ Thị Lệ T1, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 2, xã BR, huyện XM, tỉnh BR-VT

(Ông Tr, bà Ch, bà T1 có mặt; ông S1 vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2018 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên toà hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Vợ chồng ông Tr và bà Ch là chủ cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi tại xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc.

Năm 2011 thì vợ chồng ông S1, bà T1 bắt đầu mua cám của vợ chồng ông Tr và bà Ch, việc mua cám được thực hiện nhiều lần, mỗi khi cần mua cám thì ông S1 và bà T1 gọi cám và ông Tr sẽ giao cám tận nhà ông S1 và bà T1, sau mỗi đợt mua và đến khi bán heo thì ông S1 và bà T1 đều có thanh toán, số tiền mua cám được trả dần theo từng đợt.

Đến ngày 27/3/2013 thì hai bên chốt khoản nợ theo đó bà T1 và ông S1 còn nợ lại của ông Tr và bà Ch số tiền 64.539.000đ, sự việc này có sự xác nhận của bà T1, sau đó các bên lại tiếp tục trả tiền cho bà Ch và ông Tr từng đợt và đến ngày 02/02/2016 thì ông S1, bà T1 còn nợ vợ chồng ông Tr và bà Ch số tiền 38.039.000 đồng. Vợ chồng ông Tr và bà Ch đã nhắc nợ nhiều lần nhưng ông S1, bà T1 cố tình dây dưa, không thanh toán.

Vì vậy, vợ chồng ông Tr và bà Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Đình S1 và bà Lữ Thị Lệ T1 trả số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng. Đến ngày 02/4/2018 bà Ch có thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung, bà không yêu cầu tính lãi suất đối với món nợ 38.000.000đ tính từ ngày 12/9/2017 đến nay, tại phiên tòa ông Tr và bà Ch cùng thống nhất rút yêu cầu lãi suất đối với số tiền này.

**Theo bản tự khai ngày 16/3/2018 và các biên bản làm việc tiếp theo tại tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Lữ Thị Lệ T1 trình bày như sau**:

Năm 2011 thì vợ chồng ông S1, bà T1 bắt đầu mua cám của vợ chồng ông Tr và bà Ch, việc mua cám được thực hiện nhiều lần, sau mỗi đợt mua và đến khi bán heo thì ông S1 và bà T1 đều có thanh toán, số tiền mua cám được trả dần theo từng đợt.

Đến ngày 02/02/2016 thì hai bên chốt khoản nợ theo đó bà T1 và ông S1 còn nợ lại của ông Tr và bà Ch số tiền 38.000.000 đồng nhưng các bên không thống nhất được phương án trả nợ. Bà T1 có nguyện vọng trả dần cho ông Tr và bà Ch số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi trả xong nợ.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn – bà T1 chấp hành pháp luật và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn là ông Hòa vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đối với ông Ngô Đình S1 và bà Lữ Thị Lệ T1.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng, thẩm quyền*:

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Ngô Đình S1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt ông S1 là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản" giữa ông Phạm Nhật Tr bà Võ Tòng Ch và ông Ngô Đình S1 và bà Lữ Thị Lệ T1 nên T1ộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung yêu cầu tranh chấp của đương sự*:

Qua lời khai thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn là bà T1 đã đủ cơ sở xác định: ông Phạm Nhật Tr và bà Võ Tòng Ch với bà Lữ Thị Lệ T1 có quan hệ mua bán cám của nhau là đúng, quá trình tham gia tố tụng các bên đều thống nhất số nợ hiện nay ông S1 và bà T1 còn nợ ông Tr và bà Ch số tiền 38.000.000đ là tiền mua bán cám và đồng ý trả số tiền này cho ông Tr bà Ch thì đây là những sự thật không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Ngô Đình S1 vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại hai phiên tòa hôm nay nên Tòa án căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ làm cơ sở giải quyết vụ án.

Quá trình tham gia tố tụng các bên chỉ không thống nhất được thời điểm thanh toán số nợ này, ông Tr và bà Ch yêu cầu phải thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, còn bà T1 thì cho rằng, cần phải có lộ trình thanh toán, mỗi tháng bà T1 chỉ trả số tiền 2.000.000đ.

Xét ý kiến của các bên cho thấy, khi giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán cám, các bên đều chỉ thống nhất với nhau khi bên mua cám cần thiết thì sẽ mua và được ghi nợ, bên mua sẽ thanh toán hết tiền cám khi heo xuất chuồng mà không thỏa T1ận cụ thể thời điểm phải thanh toán. Sau khi xác nhận khoản nợ vào 02/02/2016 thì các bên cũng không cam kết đến khi nào thanh toán, do đó, hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản nợ không xác định thời hạn, vì vậy cần buộc bị đơn phải trả số tiền 38.000.000đ cho nguyên đơn là phù hợp với điều 302, 428 429, 438 Bộ luật dân sự năm 2005

Về lãi suất phát sinh: Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên ghi nhận.

*Về án phí*: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 24, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí theo nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận, cụ thể như sau:

Ông S1 và bà T1 phải nộp (38.000.000đ x 5%) = 1.900.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 305, 428 429, 438 Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về lãi suất theo quy định của pháp luật của số tiền 38.000.000đ.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Nhật Tr bà Võ Tòng Ch về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đối với ông Ngô Đình S1 và bà Lữ Thị Lệ T1.

Buộc ông Ngô Đình S1 và bà Lữ Thị Lệ T1 phải hoàn trả cho bà Võ Tòng Ch và ông Phạm Nhật Tr số tiền 38.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngô Đình S1 và bà Lữ Thị Lệ T1 phải nộp số tiền 1.900.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Võ Tòng Ch và ông Phạm Nhật Tr được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai T1 tiền tạm ứng án phí số 0007312 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc được niêm yết bản án.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Lữu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Ngọ Văn Tỉnh**